TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 238/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/07/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Du

Ông Trần Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2026/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh D, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H (nay là ấp H), xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Đinh Ngọc X, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H (nay là ấp H), xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/03/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh D trình bày: Anh D và chị X chung sống năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, bị nợ nần, chị đi làm thuê ít về nhà, đến tháng 09 năm 2024 thì anh chị không còn liên lạc với nhau, anh D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phạm Hoài N sinh ngày 25/8/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gửi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị X được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2005 tại UBND xã H nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo anh D trình bày là do kinh tế gia đình khó khăn, chị đi làm thuê từ đó vợ chồng lạnh nhạt dẫn đến ly thân từ tháng 09 năm 2024 cho đến nay. Chị X không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh D là đã từ bỏ quyền lợi. Hội đồng xét xử xét thấy anh D và chị X đã ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải thiện được cuộc sống chung nên xử cho anh D được ly hôn với chị X là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh D và chị X có 01 con chung tên Phạm Hoài N sinh ngày 25/8/2006 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thanh D.

1.1. Về hôn nhân: Anh Phạm Thanh D được ly hôn với chị Đinh Ngọc X.

1.2. Về con chung: Anh Phạm Thanh D xác định con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh Phạm Thanh D phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0004929 ngày 19 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, anh Phạm Thanh D đã nộp xong.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung